

## **CÁCH PHÁT ÂM “S”; “ES” Ở CUỐI TỪ**

**1/ - es được phát âm /ɪz/ sau : *ch, s, sh, x, z***

Ex: watches , wishes, buses, boxes, buzzes,

**- s sau: *ce, ge, se, ze* thì - es được phát âm /ɪz/**

Ex prices, changes, houses, prizes

**2/ -s, -es được phát âm /s/ sau: *f, p, k, t, th, ph, gh* /f/**

Ex: Roofs, stops, cooks, likes, cats, months, photographs, laughs

**3/ -s, -es được phát âm /z/: còn lại**

Ex: dreams, rains, calls, belongs, loves, cures, studies, ploughs